

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134/2023/HS-ST**
Ngày: 29 - 11 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Nguyễn và bà Trần Thị Yến Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ ý số 151/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Trương Văn H, sinh năm 2002, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp x, xã N T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Trương Thị H, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 2001, địa chỉ: Ấp x, xã N T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Thành D, sinh năm 1995, địa chỉ: Tổ 6, Ấp y, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Tường V, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ z, Ấp j, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 12/7/2023, anh Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô biển số 60B3-738.97 chở Trương Văn H đi làm về. Khi về đến nhà anh L ở Ấp x, xã N T thì H hỏi mượn xe của anh L để về nhà tắm rồi quay lại trả xe. Sau khi tắm xong, H không trả xe cho anh L mà điều khiển xe đến nhà Nguyễn Tường V tại Ấp 3, xã Phú Lập uống rượu. Tại đây H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh L đem cầm cố hoặc bán lấy tiền tiêu xài. H nhờ anh V tìm người cầm xe thì được anh V giới thiệu anh Phạm Thành D hiện đang cần xe mô tô để đi lại, H mượn điện thoại của V gọi cho anh D và nói cần cầm xe mô tô biển số 60B3-738.97 của H không mang theo giấy tờ và cầm với số tiền 2.000.000 đồng, anh D đồng ý. Đến 9 giờ ngày 13/7/2023 anh D đến nhà V gặp H để lấy xe và đưa cho H 2.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền H sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc dưới hình thức chơi game Nổ Hũ online trên mạng internet và thua hết, cho anh V 300.000 đồng, Thanh 100.000 đồng, còn lại 600.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 17/7/2023, anh L đi tìm H để đòi lại xe thì biết H đã cầm xe cho anh D nên báo công an xã N T. Tại cơ quan điều tra, Trương Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 44/KL-HĐĐGTS ngày 31/7/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô biển số 60B3-738.97 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen nhám đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 13.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 159/CT-VKSTP-ĐN ngày 09 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Trương Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; phân tích dấu hiệu phạm tội; đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do đó Viện kiểm sát xin rút một phần truy tố đối với bị cáo Trương Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề xuất mức án đối với bị cáo Trương Văn H từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Đối với Nguyễn Tường V có hành vi giới thiệu cho H cầm cố xe mô tô biển số 60B3-738.97 nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên chưa đủ căn cứ xử lý.

Đối với Phạm Thành D có hành vi cầm cố xe mô tô biển số 60B3-738.97. H khai nhận không nói cho Danh biết nguồn gốc xe do phạm tội mà có, hơn nữa hiện nay Danh đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nên Cơ quan điều tra công an huyện tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Bị cáo nói lời sau cùng như sau: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

Ngày 12/7/2023, Trương Văn H mượn được xe mô tô biển số 60B3-738.97 có trị giá 13.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn L. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 13/7/2023, Trương Văn H đã cầm cố xe mô tô biển số 60B3-738.97 cho Phạm Thành D với số tiền 2.000.000 đồng rồi sử dụng số tiền đó vào mục đích đánh bạc online dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã rút một phần truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét thấy, sau khi mượn được tài sản, bị cáo không dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản nên việc rút một phần truy tố của Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không chỉ trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải xử lý bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Bị cáo còn trẻ, có sức khỏe nhưng lười lao động nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng vào mục đích bất hợp pháp. Vì vậy, cần tuyên mức án cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt có ích và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tòa án mở phiên tòa xét xử công khai vụ án nhằm xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 2.000.000 đồng của anh Nguyễn Thành Danh mà bị cáo cầm cố được do chưa làm việc được với anh D nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Tường V có hành vi giới thiệu cho H cầm cố xe mô tô biển số 60B3-738.97 nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý.

Đối với Phạm Thành D có hành vi cầm cố xe mô tô biển số 60B3-738.97. H khai nhận không nói cho Danh biết nguồn gốc xe do phạm tội mà có, hơn nữa hiện nay Danh đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nên Cơ quan điều tra công an huyện tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau.

[7]. Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 60B3-738.97 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn L nên trao trả cho anh L là đúng pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 8 năm 2023.

2. Về án phí : Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Trương Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA; Lưu HS, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam